

Số: /BC- CCKL

Bình Định, ngày tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 9 tháng đầu năm 2024

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định

Thực hiện Công văn số 3436/SNN-KHTH ngày 10/10/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định về việc báo cáo tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (9 tháng đầu năm 2024) của đơn vị và lĩnh vực ngành của đơn vị đang phụ trách.

Căn cứ Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Căn cứ nội dung hướng dẫn báo cáo của Sở Tài chính tại Công văn số 3489/STC-QLNS ngày 07/10/2024.

Chi cục Kiểm lâm báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) 9 tháng đầu năm 2024, như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, TỔ CHỨC THTK, CLP

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về THTK, CLP

a) Căn cứ các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cấp ủy Đảng, chính quyền, đã phối hợp với công đoàn triển khai, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng trong công chức và người lao động về THTK, CLP, nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự chuyển biến tích cực và thống nhất về tư tưởng, hành động, xây dựng đội ngũ công chức, người lao động trong sạch, vững mạnh.

b) Chi cục Kiểm lâm đã ban hành Kế hoạch số 439/KH-CCKL ngày 10/4/2024 về thực hiện Chỉ thị số 27-CT-TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chi cục Kiểm lâm, tổ chức triển khai, quán triệt kịp thời có hiệu quả. Phổ biến đến toàn thể công chức, người lao động trong đơn vị nội dung Chương trình THTK, CLP năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành tại Quyết định 410/QĐ-UBND ngày 30/01/2024.

c) Hình thức và phương pháp triển khai:

- Thủ trưởng, người đứng đầu các đơn vị trực thuộc Chi cục căn cứ đặc điểm tình hình, nhiệm vụ chính trị, thực tiễn tại đơn vị mình để xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể, trong đó, xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm và giải pháp thực hiện, triển khai thực hiện luật THTK, CLP đồng bộ trong toàn lực lượng. Đã tổ chức học tập, tuyên truyền, quán triệt Luật THTK, CLP và các văn bản liên quan đến công tác THTK, CLP của Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đến công chức là lãnh đạo các hạt, phòng, Đội..

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng, sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền, sự phối hợp của tổ chức đoàn thể tại các đơn vị trực thuộc Chi cục để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Các hình thức tổ chức: Hội họp cơ quan hàng tháng, lồng ghép sinh hoạt Công đoàn; đăng tải các văn bản pháp luật về THTK, CLP trên Trang thông tin điện tử của Chi cục Kiểm lâm; tuyên truyền, sao gửi các văn bản trên văn phòng điện tử và hộp thư điện tử cơ quan.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THTK, CLP và việc THTK, CLP

Chi cục Kiểm lâm đã ban hành các kế hoạch, quy chế, thực hiện cho việc THTK, CLP trong năm 2024 ¹.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về THTK, CLP

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan; công chức, người lao động giữa các phòng, đơn vị trực thuộc tham gia giám sát, nhằm ngăn chặn và xử lý kịp thời các dấu hiệu, hành vi tham nhũng, lãng phí (nếu có), đảm bảo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THTK, CLP

1. Kết quả THTK, CLP cụ thể trong các lĩnh vực

a) THTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

- Chi cục Kiểm lâm đã ra nhiều văn bản chỉ đạo các hạt kiểm lâm, Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR trực thuộc Chi cục triển khai thực hiện nghiêm túc Luật Lâm nghiệp, Nghị định và thông tư hướng dẫn của Trung ương, đảm

¹ - Kế hoạch số 188/KH-CCKL ngày 05/02/2024, về phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2024.

- Kế hoạch số 237/KH-CCKL ngày 28/02/2024, về thực hiện quy chế dân chủ trong cơ quan năm 2024.

- Kế hoạch số 238/KH-CCKL ngày 28/02/2024, về thực hiện công tác dân vận năm 2024.

- Kế hoạch số 439/KH-CCKL ngày 10/4/2024, về thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chi cục Kiểm lâm.

- Quyết định số 45/QĐ-CCKL ngày 25/3/2024, về Quy chế quản lý chi tiêu nội bộ áp dụng tại cơ quan Chi cục Kiểm lâm năm 2024.

- Quyết định số 298/QĐ-CCKL ngày 29/12/2023, về công bố công khai dự toán ngân sách Chi cục Kiểm lâm năm 2024.

bảo xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp chính xác, không để thất thoát ngân sách, lãng phí chi phí xử lý.

- Chi cục chỉ đạo các đơn vị trực thuộc rà soát, thực hiện chế độ chi tiêu ngân sách đúng định mức và chế độ quy định nhà nước hiện hành như: Quy định chế độ công tác phí, chế độ phụ cấp độc hại, nguy hiểm, ...

- Chế độ tiêu chuẩn, định mức trang bị, mua sắm, sử dụng tài sản công, thực hiện nghiêm túc các quyết định, chỉ thị, của Thủ tướng Chính phủ; thông tư của các bộ, ngành; của tỉnh và quy định của pháp luật.

- Chi cục Kiểm lâm đã phê duyệt nội dung chi nghiệp vụ chuyên môn từ kinh phí không tự chủ năm 2024 cho các hạt kiểm lâm và Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng; phân rã dự toán chi ngân sách của từng loại kinh phí dựa trên chế độ định mức chi của Nhà nước, kế hoạch nhiệm vụ của đơn vị; nhằm mục đích nâng cao hiệu quả công tác của từng công chức, người lao động, giám sát việc chi tiêu cơ quan, thực hành tiết kiệm chi hành chính kinh phí tự chủ, tạo nguồn tăng thu nhập cho công chức, người lao động.

b) THPTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN); trong đó tập trung vào các nội dung sau:

- Quản lý, sử dụng kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình quốc gia: Theo đúng quy định hiện hành.

- Quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Không.

- Quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo: Không

- Quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ y tế: Không

- Thành lập, quản lý, sử dụng quỹ từ nguồn từ ngân sách nhà nước: Theo đúng chế độ quy định.

- THPTK, CLP trong một số trường hợp sử dụng NSNN:

- + Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm; cử cán bộ, công chức, viên chức đi công tác, khảo sát trong và ngoài nước: Không.

- + Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: Thực hiện theo đúng kế hoạch đào tạo được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- + Sử dụng điện, nước, văn phòng phẩm, sách báo, tạp chí, khánh tiết, tổ chức lễ hội, lễ kỷ niệm: Thực hiện đúng quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ.

c) THPTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước:

- Việc mua sắm, trang bị, sửa chữa, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại, thiết bị làm việc và phương tiện thông tin, liên lạc được thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành và quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ cơ quan đã được tập thể công chức, người lao động thống nhất.

- Việc mua sắm, sửa chữa thực hiện theo quy định ².

d) THPTK, CLP trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng:

- THPTK, CLP trong đầu tư xây dựng: Chi cục Kiểm lâm thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả công tác chống lãng phí trong đầu tư xây dựng

- THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp: Thực hiện nghiêm Luật quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn.

- THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng nhà ở công vụ, công trình phúc lợi công cộng: Nhà ở công vụ các hạt, trạm kiểm lâm và Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR thực hiện đúng công năng được cơ quan chức năng phê duyệt.

đ) THPTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên:

- THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng đất: Đất đai làm trụ sở làm việc được quản lý, sử dụng đúng mục đích có hiệu quả và đảm bảo thực hành tiết kiệm.

- THPTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên rừng:

a) Khoán bảo vệ rừng:

- Đang thực hiện khoán bảo vệ rừng 120.693,12 ha (chuyển tiếp 120.437,48 ha; khoán mới CTPTLN 255,64 ha).

- Trong 9 tháng đầu năm 2024, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt đối với diện tích khoán mới bảo vệ rừng CTMTQG: 7.903,18 ha (Ban Quản lý rừng đặc dụng An Toàn 899,84 ha; các Ban Quản lý rừng phòng hộ: An Lão 487,4 ha, Hoài Ân: 1.648,68 ha, Vĩnh Thạnh 4.867,26 ha). Đã thẩm định ngoại nghiệp hồ sơ thiết kế, dự toán khoán mới CTMTQG của Ban Quản lý rừng phòng hộ Vân Canh. Hiện nay, Ban Quản lý rừng phòng hộ Vân Canh đang hoàn chỉnh hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Lũy kế đến nay, đang thực hiện khoán 128.596,30 ha/ kế hoạch 129.756,64 ha.

b) Hỗ trợ bảo vệ rừng: Đang thực hiện hỗ trợ bảo vệ rừng 35.415,01 ha.

c) Khoán khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên: Đang triển khai thực hiện khoán khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên 284 ha.

d) Chăm sóc rừng trồng: Năm 2024, kế hoạch diện tích rừng trồng đưa vào chăm sóc 19.500 ha. Trong đó, chăm sóc lần 1 là 13.650 ha và chăm sóc lần 2 là 19.500 ha. Kết quả, đã chăm sóc được 13.650 ha, đạt 100% kế hoạch và đang chuẩn bị chăm sóc lần 2.

² Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định và Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND

đ) Công tác trồng rừng: Năm 2024, kế hoạch trồng rừng tập trung đạt 8.500 ha, trong đó trồng rừng gỗ lớn đạt 2.000 ha. Trong 9 tháng đầu năm 2024, đã trồng được 2.025,09 ha (An Lão 1.246,0 ha; Hoài Ân 456,03 ha; Hoài Nhơn 223,26 ha; Phù Mỹ 3,0 ha; An Nhơn 96,80 ha).

e) Khai thác rừng trồng: Năm 2024, sản lượng khai thác dự kiến là 1.050.000 m³. Trong 9 tháng đầu năm 2024, đã khai thác được 7.169,79 ha, sản lượng 955.972 m³ (An Lão 1.274,0 ha; Hoài Ân 669,10 ha; Hoài Nhơn 223,26 ha; Phù Mỹ 181,85 ha; Phù Cát 527,11 ha; An Nhơn 86,40 ha; Tây Sơn 383,92 ha; Vĩnh Thạnh 51,12 ha; Vân Canh 3.025,53 ha; Tuy Phước 202,0 ha; Quy Nhơn 545,50 ha).

g) Về việc thực hiện quản lý rừng bền vững và chứng chỉ FSC:

Quản lý rừng bền vững: Trong 9 tháng đầu năm 2024, đã tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt 02 phương án quản lý rừng bền vững của Ban Quản lý rừng phòng hộ An Lão và Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn. Lũy kế đến nay, đã có 10 đơn vị được UBND tỉnh phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững, gồm: 03 Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn, Hà Thanh, Sông Kôn và 07 Ban Quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng (Ban Quản lý rừng đặc dụng An Toàn và các Ban Quản lý rừng phòng hộ An Lão, Hoài Ân, Phù Cát, Phù Mỹ, Vĩnh Thạnh, Tây Sơn). Hiện nay, các Ban Quản lý rừng phòng hộ Hoài Nhơn, Vân Canh đang hoàn chỉnh Phương án để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

h) Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: Trong 9 tháng đầu năm 2024, đã tham mưu ban hành 41 quyết định, với diện tích 242,06 ha (rừng phòng hộ 22,84 ha; rừng sản xuất 219,22 ha).

- Tỷ lệ che phủ rừng:

Tỷ lệ che phủ của rừng tỉnh Bình Định tính đến 31/12/2023 là 57,32%. Hiện nay, Chi cục Kiểm lâm đã thực hiện quyết liệt các biện pháp bảo vệ rừng và PCCCR, hạn chế tối đa tình trạng phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật và mua bán, vận chuyển, tàng trữ, chế biến lâm sản, động vật hoang dã trái pháp luật, chống người thi hành công vụ; lập hồ sơ xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật góp phần bảo vệ an ninh quốc phòng, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, nâng tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2024 đạt 57,7%.

i) THPTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước:

- Thực hiện nghiêm túc đề án sắp xếp kiện toàn bộ máy gắn với tinh giản biên chế nhằm nâng cao hiệu quả đội ngũ công chức. Đổi mới cách thức quản lý và thái độ làm việc của công chức, tăng cường kỷ luật công vụ, kỷ cương với công chức trong lực lượng Kiểm lâm. Xử lý nghiêm các trường hợp không tuân thủ, có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức công vụ;

- THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong cơ quan nhà nước: Quản lý chặt chẽ biên chế công chức, người lao động đảm

bảo đúng số lượng đã được cấp có thẩm quyền giao năm 2024, phù hợp với vị trí việc làm.

2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí:

- Số vụ việc lãng phí đã phát hiện: Không
- Số vụ việc đã được xử lý: Không
- Số người vi phạm và hình thức xử lý: Không

3. Phân tích, đánh giá

a) Đánh giá kết quả đạt được: Công tác THPTK, CLP của Chi cục Kiểm lâm thời gian qua được triển khai thực hiện có hiệu quả. Không xảy ra tình trạng lãng phí, tham nhũng. Các chế độ, định mức, tiêu chuẩn, sử dụng tài sản, phương tiện, kinh phí hoạt động đều thực hiện đúng quy định.

b) Những tồn tại, hạn chế: Công tác tuyên truyền về THPTK, CLP chưa có tổ chức thực hiện theo nội dung riêng, chủ yếu là lồng ghép các cuộc họp cơ quan, đơn vị; kinh phí tổ chức các hoạt động tuyên truyền không được bố trí. Do đó, việc nhận thức về THPTK, CLP đôi khi vẫn còn một số hạn chế nhất định.

c) Những kinh nghiệm rút ra: Thường xuyên tuyên truyền về THPTK, CLP và coi đây là nhiệm vụ, thực hiện lâu dài để nâng cao vai trò, trách nhiệm của từng công chức và người lao động nhằm mang lại hiệu quả cao trong công tác THPTK, CLP.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP VỀ THPTK, CLP CẦN TẬP TRUNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TRONG NĂM TIẾP THEO

1. Phương hướng, nhiệm vụ

a) Cơ quan Chi cục Kiểm lâm và các đơn vị trực thuộc, đoàn thể rà soát triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ công tác THPTK, CLP; quan tâm tổ chức quán triệt, bám sát và có kế hoạch, biện pháp cụ thể để triển khai có hiệu quả các nội dung của công tác THPTK, CLP;

b) Tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về THPTK, CLP, gắn với tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tăng cường trách nhiệm của Chi cục trưởng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc trong công tác THPTK, CLP; tiếp tục theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện những quy định của pháp luật về THPTK, CLP;

c) Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát; công tác tự kiểm tra THPTK, CLP, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến tham nhũng. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ để chủ động phòng ngừa tham nhũng, lãng phí.

2. Các giải pháp

Để làm tốt hơn công tác THTK, CLP trong thời gian tới cần tập trung vào các giải pháp sau:

- Tiếp tục triển khai Luật THTK, CLP; tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm là: Nâng cao hiệu quả quản lý việc sử dụng ngân sách trong các lĩnh vực mua sắm tài sản công; đầu tư xây dựng cơ bản; quản lý đất đai ... Thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính tại cơ quan;

- Thực hiện tốt công tác khai minh bạch trên các lĩnh vực: Phân bổ và sử dụng ngân sách, mua sắm và sử dụng tài sản;

- Tổ chức kiểm tra, thanh tra để phòng ngừa ngăn chặn tham nhũng; bồi dưỡng những công chức có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ thanh tra công vụ;

- Xây dựng Quy chế dân chủ ở cơ sở gắn với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; nâng cao hiệu quả của thanh tra nhân dân, khắc phục bệnh hình thức;

- Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng biểu dương kịp thời những đơn vị làm tốt và phê phán những đơn vị, cá nhân có các sai phạm gây thất thoát, lãng phí trong quản lý sử dụng tài sản, ngân sách nhà nước .

Chi cục Kiểm lâm kính báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT kết quả THTK, CLP 9 tháng đầu năm 2024 để theo dõi, chỉ đạo ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CCT và PCCT;
- Lưu: VT, TCHC.

CHI CỤC TRƯỞNG

Lê Đức Sáu

Phụ lục số 02

Tên cơ quan lập báo cáo: CHI CỤC KIỂM LÂM TỈNH BÌNH ĐỊNH

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ
Kỳ báo cáo: 9 tháng đầu năm 2024

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản						
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản						
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng						
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chi đạo,	triệu đồng						

	điều hành của Chính phủ							
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN							
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:							Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>						
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:							Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Các nội dung khác</i>							
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	4.470					
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng						

2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng						
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng						
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị						
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị						
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	12	12	12	100%	100%	
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc						
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc						
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							

1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng						Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
	- <i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng						
	- <i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng						
	- <i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng						
	- <i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	<i>Số lượng</i>	dự án						
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng						
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	6.132	6.132	6.132	100%	100%	
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2						
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						

3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m2						
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m2						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ						
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
4	Các nội dung khác							
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							

1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
VII Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp								
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng						
	<i>Tiết kiệm điện</i>	Kw/h						
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	Tân (lít)						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được							
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng						
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng						
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng						
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	<i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	dự án						

	<i>Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>triệu đồng</i>						
2.5	Các nội dung khác							
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	<i>Số tiền tiết kiệm được</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí</i>	<i>triệu đồng</i>						
4	Mua sắm phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	<i>Số lượng xe đầu kỳ</i>	<i>chiếc</i>						
	<i>Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)</i>	<i>chiếc</i>						
	<i>Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)</i>	<i>chiếc</i>						
	<i>Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng</i>	<i>triệu đồng</i>						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	<i>chiếc</i>						
	<i>Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ</i>	<i>chiếc</i>						
	<i>Số tiền mua xe trang bị sai chế độ</i>	<i>triệu đồng</i>						
5	Nợ phải thu khó đòi							
	<i>Số đầu kỳ</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>triệu đồng</i>						
6	Vốn chủ sở hữu							
	<i>Số đầu năm</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>triệu đồng</i>						
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THPT, CLP	Lượt hộ						

2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về TUTK, CLP								
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc						
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã hoàn thành	cuộc						
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THPT, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng						